

Số: *Hâu Giang, ngày tháng năm*

PHƯƠNG ÁN

Điều tra và xử lý ngộ độc thực phẩm

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm (ATTP) năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP;

Căn cứ Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ Y tế ban hành “Quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm”; Thông tư số 14/2011/TT-BYT ngày 01/4/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn chung về lấy mẫu thực phẩm phục vụ thanh tra, kiểm tra chất lượng, vệ sinh ATTP; Quyết định số 3081/QĐ-BYT ngày 15/7/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành “quy định chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 18/6/2012 của UBND tỉnh Hậu Giang thực hiện Chiến lược quốc gia vệ sinh ATTP giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030.

Để kịp thời điều tra, xử lý và khắc phục hậu quả khi xảy ra ngộ độc thực phẩm (NĐTP) trên địa bàn tỉnh, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xây dựng phương án, cụ thể như sau:

I. NGUYÊN TẮC XỬ TRÍ VỤ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

1. Xác định vụ ngộ độc thực phẩm (NĐTP): Là tình trạng ngộ độc cấp xảy ra với 2 người trở lên có dấu hiệu ngộ độc khi ăn cùng một loại thực phẩm tại cùng một địa điểm, thời gian. Trường hợp chỉ có một người mắc và bị tử vong cũng được coi là một vụ NĐTP.

2. Phối hợp với các đơn vị y tế ở địa phương (*Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế, Trạm Y tế*) chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động chuyên môn để khắc phục hậu quả như cấp cứu, điều trị người bệnh; điều tra xác định nguyên nhân; xử lý môi trường...

3. Tổ chức thu dung, cấp cứu, điều trị cho tất cả những người bị NĐTP. Trường hợp cần thiết, phải kịp thời chuyển những người mắc NĐTP có diễn biến nặng đến ngay cơ sở khám chữa bệnh có đủ điều kiện cấp cứu, điều trị.

4. Kịp thời đình chỉ sản xuất, kinh doanh, sử dụng thực phẩm bị nhiễm độc; thu hồi thực phẩm bị nhiễm độc đã sản xuất và đang lưu thông trên thị trường; lấy mẫu thực phẩm kiểm nghiệm xác định nguyên nhân; thông báo cho người tiêu dùng về tình trạng NĐTP hoặc bệnh truyền qua thực phẩm, thực phẩm đang lưu thông trên thị trường bị nhiễm độc để áp dụng biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc lan truyền bệnh, dịch do NĐTP theo đúng quy định.

5. Bảo đảm các nguyên tắc chung điều tra NĐTP theo quy định của Bộ Y tế.

6. Trường hợp có tử vong phải kết hợp với cơ quan Công an, Pháp y, các cơ quan liên quan tiến hành điều tra nguyên nhân và giải quyết theo quy định.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

1. Trước khi xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm

- Thường xuyên triển khai công tác truyền thông, thanh tra, kiểm tra về ATTP; giám sát chủ động các ca mắc NĐTP hoặc bệnh truyền qua thực phẩm tại các cơ sở điều trị và trong cộng đồng nhằm phát hiện sớm vụ NĐTP.

- Thành lập đội điều tra NĐTP, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.

- Chuẩn bị đủ trang thiết bị, dụng cụ, khu vực thu dung người bệnh; bố trí đủ vật tư, hóa chất, phương tiện đi lại; biểu mẫu điều tra, lấy mẫu, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với cơ sở thực phẩm... để sẵn sàng triển khai thu dung, phối hợp cấp cứu, điều trị người bệnh và tiến hành điều tra, xử lý vụ NĐTP.

- Tổ chức tập huấn kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu trong cấp cứu, điều trị người bệnh và điều tra, xử lý NĐTP.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, chỉ đạo tuyên về công tác ATTP và phòng, chống NĐTP tại các tuyến.

2. Khi xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm

2.1. Khai báo, tiếp nhận thông tin và báo cáo NĐTP

2.1.1. Khai báo NĐTP: Khi phát hiện hoặc nghi ngờ bị NĐTP đều phải có trách nhiệm khai báo ngay cho UBND địa phương và cơ quan Y tế gần nhất như Trạm Y tế, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố, các bệnh viện hoặc báo cáo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế... (sau đây gọi chung là cơ quan chức năng) để kịp thời có phương án xử trí vụ NĐTP.

2.1.2. Tiếp nhận thông tin NĐTP

a) *Khai báo từ người mắc:* Người mắc NĐTP có trách nhiệm phối hợp với cán bộ điều tra trong việc lấy mẫu thực phẩm, mẫu bệnh phẩm liên quan đến vụ ngộ độc; khai báo với cán bộ điều tra những thông tin trung thực liên quan đến NĐTP, không được từ chối hoặc khai báo thiếu trung thực hoặc che giấu thông tin liên quan đến NĐTP.

b) *Khai báo từ thầy thuốc và nhân viên y tế:* Bất kể một nhân viên y tế hoặc thầy thuốc nào, dù làm việc ở Trạm Y tế; phòng khám bệnh, bệnh viện công lập hoặc tư nhân khi phát hiện NĐTP phải khai báo ngay với cơ quan chức năng.

c) *Khai báo từ người lãnh đạo, quản lý:* Thủ trưởng các doanh nghiệp, trường học, cơ quan, đơn vị, chủ hộ gia đình... để xảy ra vụ NĐTP (sau đây gọi chung là đơn vị để xảy ra vụ NĐTP) có trách nhiệm:

- Khai báo trung thực ngay tình hình NĐTP với cơ quan chức năng; cung cấp thông tin cần thiết và tài liệu có liên quan theo yêu cầu của các cơ quan chức năng, không được che giấu thông tin.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan y tế và các cơ quan có liên quan khác trong việc thực hiện các biện pháp cứu chữa người bị NĐTP và lấy mẫu xác định nguyên nhân của vụ ngộ độc.

- Niêm phong và bảo quản toàn bộ thức ăn còn lại sau bữa ăn, thức ăn lưu, thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc và các tài liệu liên quan.

- Phối hợp với cơ quan y tế trong quá trình lấy mẫu, điều tra để xác định nguyên nhân gây ngộ độc, thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả và ngăn chặn hậu quả lan rộng của NĐTP theo chỉ đạo của cơ quan y tế.

- Chịu mọi chi phí cho việc điều tra tìm nguyên nhân gây ngộ độc, thu hồi thực phẩm gây ngộ độc, khám và điều trị cho người bị NĐTP theo quy định của pháp luật hiện hành.

(Mẫu phiếu điều tra theo phụ lục 1 đính kèm)

2.1.3. Báo cáo NĐTP

- a) Khi tiếp nhận thông tin về NĐTP, phải kịp thời báo cáo ngay cho thủ trưởng đơn vị về nội dung vụ việc để thông tin, phối hợp với đơn vị chức năng khắc phục hậu quả.

- b) Thủ trưởng các đơn vị chức năng khi tiếp nhận được thông tin về NĐTP phải xem xét về nội dung khai báo để quyết định hoặc đề xuất với Sở Y tế về phương án chỉ đạo, xử trí vụ NĐTP phù hợp theo từng tình huống; tổng hợp báo cáo lên tuyến trên theo quy định.

(Mẫu báo cáo theo phụ lục 2 đính kèm)

2.2. Xử lý vụ ngộ độc thực phẩm

2.2.1. Trách nhiệm triển khai:

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm phối hợp với Trạm Y tế, Trung tâm Y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thu dung, cấp cứu, điều trị người bệnh và điều tra, xử lý NĐTP.

2.2.2. Tổ chức, thực hiện:

- + Trạm Y tế, Trung tâm Y tế triển khai thu dung, cấp cứu, điều trị người bệnh;

- + Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm phối hợp với Trạm Y tế, Trung tâm Y tế và các đơn vị có liên quan tổ chức điều tra, xử lý NĐTP, lấy mẫu xác định nguyên nhân, xử lý môi trường; phối hợp với chính quyền địa phương kết luận vụ NĐTP theo quy định; đình chỉ việc sử dụng, lưu hành thực phẩm gây ngộ độc; đình chỉ sản xuất, kinh doanh thực phẩm bị nhiễm độc; thu hồi thực phẩm bị nhiễm độc đã sản xuất và đang lưu thông trên thị trường.

- Tham mưu Lãnh đạo Sở Y tế (thường trực Ban Chỉ đạo) và các thành viên phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo triển khai các hoạt động xử trí, khắc phục sự cố về ATTP hoặc đề nghị Cục ATTP, các Viện chuyên ngành Trung ương hỗ trợ điều tra, xử lý, khắc phục hậu quả vụ NĐTP (khi cần thiết).

- Kết luận, công bố vụ NĐTP theo quy định của pháp luật.

3. Kết thúc vụ ngộ độc thực phẩm

3.1. Kết luận kết quả điều tra: Sau khi tiến hành các bước điều tra NĐTP, Tổ điều tra NĐTP phải tổng hợp, phân tích, dự thảo kết luận, kết quả điều tra trình người có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo kết quả điều tra theo những nội dung sau: Đơn vị xảy ra NĐTP; địa điểm xảy ra NĐTP, thời gian xảy ra ngộ độc; số người ăn, số người mắc, số người đi viện, số người chết; bữa ăn nguyên nhân; thức ăn nguyên nhân; cơ sở nguyên nhân và nguyên nhân.

3.2. Kiến nghị các biện pháp xử lý NĐTP: Từ kết quả điều tra, phải đưa ra các biện pháp xử lý để phòng ngừa NĐTP.

- Cải tiến sản xuất, chế biến bảo đảm yêu cầu vệ sinh theo quy định.
- Nâng cao ý thức vệ sinh cho nhân viên sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống.
- Tích cực chấp hành quy chế, quy định về ATTP.
- Xử lý thực phẩm gây ngộ độc theo quy định.

3.3. Kiến nghị xử lý theo pháp luật: Tùy theo mức độ, tính chất, nguyên nhân, hậu quả của vụ NĐTP, cần đưa ra các kiến nghị xử lý theo pháp luật đối với tổ chức, cá nhân hoặc hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3.4. Công bố NĐTP: Tùy theo tính chất vụ NĐTP mà xác định thời gian, hình thức, cấp thẩm quyền công bố với các cơ quan liên quan và cơ quan thông tấn báo chí về vụ NĐTP theo quy định của pháp luật.

Trên đây là phương án điều tra và xử lý vụ NĐTP, đề nghị bộ phận chuyên môn và công chức có liên quan chủ động triển khai có hiệu quả việc khắc phục hậu quả vụ NĐTP. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, bất cập, đề nghị phản ánh về Chi cục Trưởng để giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố;
- Bộ phận chuyên môn;
- Lưu: VT, TTTT&QLNĐTP, quoitp.

CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Văn Tạo

Phụ lục 1
PHIẾU ĐIỀU TRA NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM
(Kèm theo Phương án số: /PA-ATTP ngày tháng năm 2023 của
Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm)

Bảng 1: Điều tra cá thể bị NDTP (mẫu điều tra 1)

TT	Họ và tên	Tuổi	Giới	Địa chỉ	Thời gian phát bệnh		Triệu chứng								Ngày lấy mẫu phân	Kết quả xét nghiệm
					Ngày	Giờ	Đau bụng	Tiêu chảy	Buồn nôn	Nôn	Co giật	Nổi mề đay	Sốt	Khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1								(5 X) (4 X)		(5 X) (4 X)						
2																
3																
4																
5																
6																
7																
8																
9																
10																

Ngày ...tháng ...năm
Người điều tra

Phương pháp:

- Lập danh sách tất cả các cá thể bị NDTP trong bảng này và đánh số thứ tự cho đến hết. Nếu nhiều người bị ngộ độc phải chia người đi điều tra hết tất cả các cá thể bị ngộ độc.
- Khi khai thác về các triệu chứng nếu có, đánh dấu nhân (x) vào ô tương ứng. Đối với cột 9 (tiêu chảy) và cột 11 (nôn): cần ghi thêm bao nhiêu lần trong ngày thứ nhất, thứ hai.... bằng cách ghi các con số trong ngoặc đơn (5x), (4x).. nghĩa là: ngày thứ nhất: 5 lần, ngày thứ hai 4 lần.

2. Điều tra những người đã ăn bữa ăn X (bữa ăn cuối cùng trước khi bị NĐTP) và bữa ăn Y (bữa ăn trước bữa ăn X) không bị ngộ độc thực phẩm

Bảng 2: Điều tra những người đã ăn bữa ăn X và bữa ăn Y không bị NĐTP (mẫu điều tra 2)

TT	Họ và tên	Tuổi	Giới	Địa chỉ	Bữa ăn X	Bữa ăn Y
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						

Ngày tháng năm
Người điều tra

Phương pháp:

- Đánh số thứ tự tiếp theo bảng 1.

- Lập danh sách tất cả các cá thể đã ăn bữa ăn X không bị NĐTP (đánh dấu X) vào ô bữa ăn X và bữa ăn Y không bị NĐTP (đánh dấu X vào ô bữa ăn Y).

3. Điều tra các thức ăn đã ăn, người ăn và thời gian

+ Mục đích của điều tra: Xác định được những ai (kể cả bị NĐTP và không bị NĐTP – xem danh sách ở bảng 1 và bảng 2) đã ăn thức ăn nào ở bữa X và bữa Y.

+ Phương pháp: Trên cơ sở danh sách ở bảng 1 và bảng 2, phỏng vấn điều tra xem những người này đã ăn những thức ăn nào (A, B, C, D...) trong bữa X và bữa Y. Nếu có ăn, đánh dấu (x) vào ô tương ứng ở bảng 3.1 (với bữa X) và 3.2 (với bữa Y).

Bảng 3.1. Điều tra các thức ăn đã ăn, người ăn và thời gian ăn ở bữa X (mẫu điều tra 3.1)

TT	Những người đã ăn	Thời gian		Thực đơn							
		Ngày	giờ	A	B	C	D	E	F	G	
Bị ngộ độc											
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											
10											
Không bị ngộ độc											
11											
12											
13											
14											
15											
16											
17											
18											
19											
20											

Ngày tháng năm
Người điều tra

Ghi chú: Các số thứ tự 1 – 20 tương ứng với STT 1 – 20 ở bảng 1 và bảng 2.

Bảng 3.2: Điều tra các thức ăn đã ăn, người ăn và thời gian ăn ở bữa Y (mẫu điều tra 3.2)

TT	Những người đã ăn	Thời gian		Thực đơn							
		Ngày	giờ	A	B	C	D	E	F	G	
Bị ngộ độc											
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											
10											
Không bị ngộ độc											
11											
12											
13											
14											
15											
16											
17											
18											
19											
20											

Ngày tháng năm
Người điều tra

Ghi chú: Các số thứ tự 1 – 20 tương ứng với STT 1 – 20 ở bảng 1 và bảng 2.

4. Điều tra những thức ăn, số người ăn và không ăn bị NĐTP và không bị NĐTP ở bữa X và bữa Y

Bảng 4: Điều tra những thức ăn, số người ăn bị NĐTP và không bị NĐTP ở bữa X và bữa Y (mẫu điều tra 4)

TT	Thực đơn	Bữa ăn X				Bữa ăn Y			
		Số người đã ăn		Số người không ăn		Số người đã ăn		Số người không ăn	
		Bị NĐ	Không bị NĐ	Bị NĐ	Không bị NĐ	Bị NĐ	Không bị NĐ	Bị NĐ	Không bị NĐ
1	A								
2	B								
3	C								
4	D								
5	E								
6	F								
7	G								
8	...								

Ngày tháng năm
Người điều tra

Phương pháp :

- Từ bảng 3.1 và bảng 3.2, tổng hợp số người đã ăn và không ăn bị NĐTP và không bị NĐTP ở bữa X và bữa Y đối với các thức ăn đã được sử dụng ở bữa X và Y.

- Số liệu tổng hợp được điền vào các ô tương ứng trong bảng 4.

5. Điều tra bữa ăn nguyên nhân: (bữa ăn gây NĐTP hoặc bữa ăn có thức ăn nguyên nhân)

+ Muốn xác định bữa ăn nguyên nhân (cũng như thức ăn nguyên nhân), cần thiết phải tính tỷ lệ tấn công (TLTC hay còn gọi là tỷ lệ mắc TLTC được tính theo công thức sau:

$$TLTC(\%) = \frac{\text{Số người bị ngộ độc thực phẩm}}{\text{Tổng số người có ăn bữa ăn hoặc thức ăn đó}}$$

Trong điều tra NĐTP, TLTC được tính cho các bữa ăn cũng như cho tất cả các thức ăn trong 1 bữa ăn, ở nhóm người có ăn và cả cho người không ăn. Khi xác định là bữa ăn nguyên nhân hoặc thức ăn nguyên nhân, phải thể hiện TLTC cao trong số những người đã ăn và thấp trong số những người không ăn.

Bảng 5: Xác định bữa ăn nguyên nhân (mẫu điều tra 5)

TT	Bữa ăn	Số người bị NĐTP				Số người không bị NĐTP			
		Đã ăn	Không ăn	Cộng	Tỷ lệ ăn (%)	Đã ăn	Không ăn	Cộng	Tỷ lệ ăn (%)
1	X								
2	Y								

Ngày tháng năm

Người điều tra

Phương pháp: Từ số liệu ở bảng 2 và 4 cộng số người đã ăn và không ăn bị NĐTP và số người đã ăn và không ăn không bị NĐTP. Số liệu thu được điền vào các ô tương ứng ở bảng 5.

Bảng 6. Điều tra thức ăn nguyên nhân trong bữa ăn nguyên nhân (mẫu điều tra 6)

TT	Thực đơn	Số người đã ăn				Số người không ăn				Chênh lệch các tỷ lệ
		Bị NĐ	Không bị NĐ	Tổng số	TLTC	Bị NĐ	Không bị NĐ	Tổng số	TLTC	
1	A									
2	B									
3	C									
4	D									
5										

Ngày tháng năm
Người điều tra

Phương pháp: Từ số liệu ở bảng 4 và các bảng liên quan điền vào các ô tương ứng ở bảng 6 và tính TLTC cho từng loại thức ăn. Cuối cùng tính số chênh lệch tỷ lệ giữa TLTC ở những người ăn và không ăn cho từng loại thức ăn. Thức ăn nguyên nhân là thức ăn có TLTC cao nhất trong số những người đã ăn và rất thấp trong số những người không ăn.

Bảng 7. Điều tra nguồn gốc, tình hình chế biến thực phẩm (mẫu điều tra 7)

TT	Thực đơn Đặc điểm	Bữa ăn X					Bữa ăn Y				
		A	B	C	D	...	A	B	C	D	...
1	- Nguồn gốc - Tên cơ sở, chủ cơ sở cung ứng										
2	Ngày chế biến										
3	Thức ăn sống										
4	Thức ăn chín										
5	Thức ăn đông lạnh										
6	Thức ăn để tủ lạnh										
7	Thức ăn đun nóng										
8	Thức ăn không đun nóng										

Ngày tháng năm
Người điều tra

Phương pháp: Gặp trực tiếp người quản lý, chế biến hoặc cung ứng thực phẩm, bếp trưởng, điều tra các thông tin liên quan và điền vào các ô tương ứng ở bảng 7.

Bảng 8. Điều tra tiền sử bệnh tật những người chế biến nấu nướng, phục vụ ăn uống (mẫu điều tra 8)

TT	Họ tên	Tuổi	Giới	Địa chỉ	Tiền sử bệnh tật	Bệnh tật hiện tại	Có / không KSK	Tập huấn	Trang bị BHLĐ
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									

Ngày tháng năm
Người điều tra

Phương pháp: gặp trực tiếp người quản lý bếp và kiểm tra thực tế tại cơ sở để khai thác các thông tin liên quan và điền vào các ô tương ứng ở bảng 8.

Bảng 9. Điều tra các mẫu thức ăn để xét nghiệm (mẫu điều tra 9)

TT	Mẫu	Ngày lấy mẫu	Kết quả xét nghiệm	Người làm xét nghiệm
1				
2				
3				
4				
5				

Ngày tháng năm
Người điều tra

Phương pháp: Gặp trực tiếp người quản lý bếp trưởng, kiểm tra thực tế tại cơ sở để khai thác các thông tin liên quan, lấy mẫu và điền vào các ô ở bảng 9.

Bảng 10: Điều tra cơ sở (Mẫu điều tra 10)

TT	Nội dung			
1	Tên cơ sở, cửa hàng:			
2	Họ và tên người kinh doanh			
	Địa chỉ :			
	Điện thoại:			
3	Loại nghề kinh doanh			
4	Số đăng ký			
	Ngày đăng ký			
5	Tình trạng vệ sinh	Mặt bằng		
		Bếp		
		Dụng cụ, trang thiết bị		
		Nguồn nước		
		Công trình vệ sinh		
		Xử lý rác		
		Nước thải		
		Nơi chế biến		
		Nơi bán hàng		
		Côn trùng, động vật		
		Bụi		
6	Nhân viên	Số lượng		
		Tiền sử bệnh tật		
		Khám sức khỏe định kỳ (Số lượng/Tổng số)		
		Trang bị bảo hộ (Số lượng/Tổng số)		
		Học tập kiến thức VSATTP (Số lượng/Tổng số)		
		Cây phân (Số lượng/Tổng số)		
7	Quản lý mặt hàng thực phẩm	Các loại mặt hàng thực phẩm kinh doanh:		
		Nguồn nguyên liệu		
		Phẩm mẫu đã dùng		
		Phụ gia khác		
		Bảo quản thực phẩm	Thực phẩm sống	
			Thực phẩm chín	
8	Người lấy mẫu xét nghiệm và niêm phong mẫu			

Chủ cơ sở
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm Người điều tra

Phương pháp: Đến kiểm tra tại thực địa, qua giám sát kiểm tra các hồ sơ, các tài liệu, phỏng vấn những người liên quan để khai thác các thông tin và điền vào ô tương ứng bảng 10.

Bảng 11: Điều tra điều kiện môi trường và dịch bệnh ở địa phương (mẫu điều tra 11)

TT	Tình hình dịch bệnh và ô nhiễm môi trường	Tình trạng hiện tại
1	Các dịch bệnh đang lưu hành ở người	
2	Các dịch bệnh đang lưu hành ở súc vật, gia cầm	
3	Tình hình ô nhiễm môi trường: - Đất. - Nước. - Không khí.	

Ngày tháng năm
Người điều tra

Phương pháp:

- Gặp các Trung tâm YTDP, Trạm Y tế, các trung tâm Thú y, các viện khu vực và các cơ quan liên quan để điều tra tình hình dịch bệnh đang lưu hành ở địa phương, ở người và gia súc, gia cầm. Ghi tóm tắt vào bảng trên: tên dịch bệnh, số mắc và số chết.

- Gặp Sở Tài nguyên môi trường, Sở Khoa học công nghệ, Trung tâm YTDP và cơ quan liên quan để nắm tình hình ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí ở địa phương. Ghi tóm tắt tình hình vào bảng trên.

Phụ lục 2**BÁO CÁO NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM**

(Kèm theo Phương án số: /PA-ATTP ngày tháng năm 2023 của
Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm)

Đơn vị:

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO BAN ĐẦU VỤ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

(Dùng để báo cáo vụ ngộ độc thực phẩm của các tuyến)

Kính gửi:

1	Địa điểm, địa chỉ xảy ra vụ NĐTP				
2	Thời gian xảy ra vụ NĐTP (thời gian ca mắc đầu tiên)	 giờ, ngày tháng năm 20.....			
3	Loại hình xảy ra vụ NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	1. Gia đình		2. Nhà hàng	
		3. Bếp ăn tập thể		4. Khách sạn	
		5. Đám cưới/giỗ		6. Bếp ăn trường học	
		7. Thức ăn đường phố		8. Khác (ghi rõ)	
4	Triệu chứng lâm sàng (ghi triệu chứng chính của bệnh nhân)				
5	Tác nhân nghi ngờ gây ra NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	Vì sinh	Hóa chất	Độc tố tự nhiên	Chưa xác định
					
6	Bữa ăn nghi ngờ gây ra NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	Sáng	Trưa	Chiều	Khác (ghi rõ)
					
7	Thức ăn nghi ngờ gây ra vụ NĐTP (ghi tên cụ thể thức ăn nghi ngờ)				
8	Số người liên quan đến vụ NĐTP (ghi số lượng người vào ô tương ứng)	1. Số người mắc			
		2. Số người chết			
9	Lấy mẫu (đánh dấu X vào ô tương ứng)	Có		Không	
	a) Mẫu thực phẩm				
	b) Mẫu bệnh phẩm				

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT

Đơn vị:

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO KẾT THÚC VỤ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

(Dùng để báo cáo vụ ngộ độc thực phẩm của các tuyến)

Kính gửi:

1	Địa điểm, địa chỉ xảy ra vụ NĐTP				
2	Thời gian xảy ra vụ NĐTP (thời gian ca mắc đầu tiên)	 giờ, ngày tháng năm 20...			
3	Số người NĐTP (ghi số lượng người vào ô tương ứng)	1. Số người mắc			
		2. Số người chết			
4	Loại hình xảy ra vụ NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	1. Gia đình		2. Nhà hàng	
		3. Bếp ăn tập thể		4. Khách sạn	
		5. Đám cưới/giỗ		6. Bếp ăn trường học	
		7. Thức ăn đường phố		8. Khác (Ghi rõ)	
5	Thức ăn nguyên nhân (có thể chọn 1 hoặc nhiều loại thức ăn)	1. Thịt hoặc sản phẩm từ thịt		6. Rau hoặc sản phẩm từ rau	
		2. Cá hoặc sản phẩm từ cá		7. Nước giải khát	
		3. Trứng hoặc sản phẩm từ trứng		8. Thức phẩm chế biến hỗn hợp	
		4. Ngũ cốc hoặc sản phẩm từ ngũ cốc		9. Rượu	
		5. Sữa hoặc sản phẩm từ sữa		10. Thức ăn khác (ghi rõ)	
6	Tác nhân gây NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	Vì sinh	Hóa chất	Độc tố tự nhiên	
					
7	Nguyên nhân NĐTP (ghi rõ kết quả kiểm nghiệm phát hiện nguyên nhân trong mẫu thực phẩm)				Không xác định nguyên nhân (đánh dấu X vào ô tương ứng)
8	Thời gian kết thúc vụ NĐTP (thời gian ca mắc cuối cùng)	 giờ, ngày tháng năm 20...			
9	Vụ NĐTP có trên 30 người mắc (đánh dấu X vào ô bên cạnh nếu có ≥30 người mắc)				

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)